

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 05/2022/HTQK, ngày 05/10/2022 của Công ty TNHH MTV HTQK về việc đề nghị cấp phép môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm công suất 45m³/h tương đương 900 tấn/ngày";

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ~~530~~./TTr-TNMT ngày ~~24~~ tháng ~~10~~ năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HTQK

Địa chỉ văn phòng: Đường Tôn Đức Thắng, tổ dân phố 1, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ngô Quốc Khánh Chức vụ: Giám đốc với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: **Nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm công suất 45 m³/h tương đương 900 tấn/ngày.**

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô số D1 Cụm công nghiệp & Tiểu thủ Công nghiệp BMC Đắk Nông thôn 7 xã Đắk Ha, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 6400445477 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 23/03/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 30/06/2022.

1.4. Mã số thuế: 6400445477.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất bê tông thương phẩm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

Là Dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Phạm vi: Lô số D1 Cụm công nghiệp & Tiêu thủ Công nghiệp BMC Đắc Nông thôn 7 xã Đắc Ha, huyện Đắc Glong, tỉnh Đắc Nông.

- Quy mô: Diện tích xây dựng 6.179 m².

- Công suất: Tổng công suất đăng ký 45 m³/h tương đương 900 tấn/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV HTQK

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có các trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 25 tháng 10 năm 2032).

Điều 4. Giao phòng Tài nguyên và Môi trường, Công an huyện Đắk Glong, Ủy ban nhân dân xã Đắk Ha tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án.
- Sở Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Công an huyện Đắk Glong;
- UBND xã Đắk Ha;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hợp

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 216.9/GPMT-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glong)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt 2,8 m³/ngày đêm;

Nguồn số 02: Nước thải sản xuất 4,2 m³/ngày;

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- Dòng nước thải:

+ Dòng nước thải số 01: nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại thoát ra môi trường.

+ Dòng nước thải số 02: nước thải sản xuất được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất của công ty trước khi thoát ra môi trường.

2.1 Nguồn tiếp nhận nước thải

Nguồn tiếp nhận nước thải: cống thoát nước thải của Cụm công nghiệp & Tiểu thủ Công nghiệp BMC Đăk Nông.

2.2 Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

Vị trí xả nước thải 01: Nước thải sau bể tự hoại thải ra môi trường. Tọa độ: X = 1330226,84; Y = 417136,97 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 108.5, múi chiếu 3⁰);

Vị trí xả nước thải 02: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất của công ty thải ra môi trường. Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1330851,64; Y = 417420,46 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 108.5, múi chiếu 3⁰);

Phương thức xả thải: tự chảy.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 7 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận

- Chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:



STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị đo	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)	Tần suất quan trắc
1	pH	-	5,5 - 9	6 tháng/lần
2	BOD ₅	mg/l	50	
3	COD	mg/l	150	
4	TSS	mg/l	100	
5	Amoni	mg/l	10	
6	Tổng nitơ	mg/l	40	
7	Tổng Phốtpho	mg/l	6	
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	
9	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000	

- Chất lượng nước thải sản xuất trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

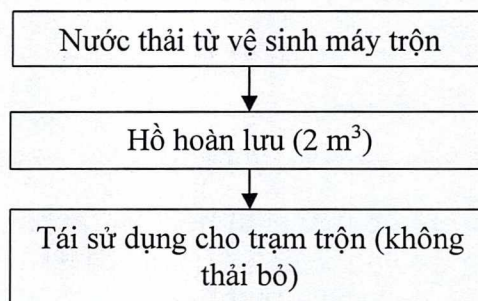
1.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt: Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy khoảng 2,8 m³/ngày, nước thải tại các nhà vệ sinh sẽ được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc gồm 02 bể mỗi bể dung tích 03 m³ được bố trí tại nhà vệ sinh công nhân, nhà vệ sinh văn phòng.

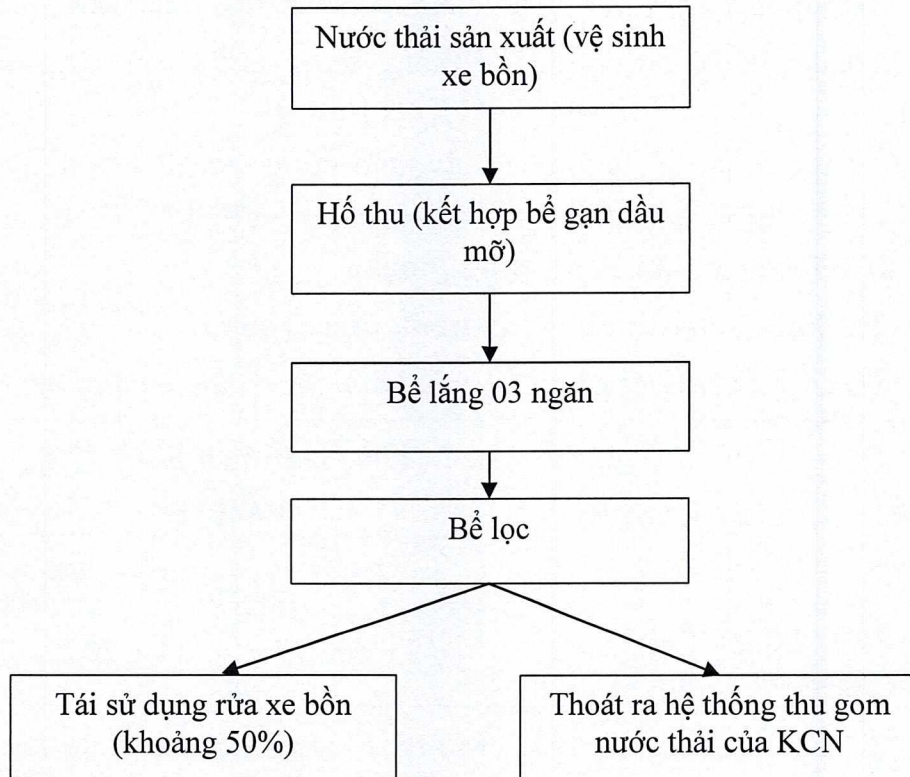
Nước thải sản xuất:

Tổng lưu lượng nước thải sản xuất phát sinh tại dự án khoảng 4,2 m³/ngày đêm, công ty sẽ đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải sản xuất cục bộ công suất 12 m³/ngày đêm, công nghệ xử lý như sau:

- Nước thải từ vệ sinh máy trộn: lượng nước thải này khoảng 0,5 m³/máy trộn/ngày, công ty sẽ xây dựng 01 hồ hoàn lưu với thể tích là 2 m³ để tái sử dụng nước thải.



- Nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện giao thông như xe bồn: lượng nước thải này phát sinh khoảng 4,2 m³/ngày được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải sản xuất của công ty. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất của công ty có công suất xử lý là: 12 m³/ngày đêm, quy trình xử lý như sau:



Sơ đồ công nghệ HTXL nước thải sản xuất 12 m³/ngày đêm

Thuyết minh quy trình:

Tại khu vực rửa xe bồn có phát sinh dầu mỡ nên công ty sẽ xây dựng bể thu gom dầu mỡ trước hệ thống xử lý bằng lắng lọc. Với cấu tạo máng tràn và vách ngăn nên nước trong bể gạn váng dầu mỡ kết hợp lắng cơ học luôn giữ ở mức ổn định, dầu mỡ nổi lên phía trên định kỳ được vớt ra. Lượng dầu mỡ này rất ít, sẽ được tập trung vào thùng đựng chất thải rắn nguy hại đưa về khu chứa chất thải nguy hại của công ty, sau đó bán giao cho đơn vị có chức năng thu gom, mang đi xử lý.

Hệ thống bể lắng 03 ngăn: Nước thải từ các khu vực sẽ được thu gom về các hố thu (hố thu kết hợp tách dầu mỡ tại khu vực rửa xe bồn) sau đó dẫn sang hệ thống bể lắng 03 ngăn theo phương thức tự chảy. Tại đây, các chất cặn trong nước thải sẽ dễ dàng được kết dính và lắng xuống đáy. Nước sạch ở phía trên được chảy tràn vào hệ thống thoát nước, tự chảy về bể lọc. Cặn lắng trong bể sẽ định kỳ được nạo vét về khu vực chứa chất thải của công ty.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

1.2. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Hệ thống xử lý được thiết kế đảm bảo các yêu cầu an toàn về kỹ thuật.
- Có bản hướng dẫn về quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải an toàn tại khu vực xử lý nước thải.
- Hệ thống xử lý được vận hành tuân thủ theo đúng quy trình và kỹ thuật.
- Thiết kế bề sự cố của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo lưu chứa 3-5 ngày.
- Thực hiện việc giám sát, lấy mẫu nước thải đầu ra để đánh giá hiệu quả xử lý, chất lượng nước thải đầu ra với tần suất 6 tháng/lần.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

STT	Công trình	Thời gian vận hành thử nghiệm		Công suất dự kiến đạt được
		Bắt đầu	Kết thúc	
1	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất của dự án	11/2022	01/2023	80%

2.2 Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

2.2.1 Kế hoạch quan trắc nước thải

Thời gian thực hiện: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định (dự kiến trong tháng 01/2023).

Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần.

Vị trí lấy mẫu và thông số quan trắc:

Vị trí và thông số quan trắc nước thải giai đoạn vận hành thử nghiệm

STT	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu	Thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh
1	Trước hệ thống xử lý (tại bể gom)	Mẫu đơn	pH, BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, Tổng nitơ, Tổng Phốt pho, Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng Coliform	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)
2	Sau hệ thống xử lý (hồ ga cuối trước khi đầu nổi)	Mẫu đơn		

(Nguồn: đơn vị tư vấn đề xuất)

2.2.2 Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

- Chất ô nhiễm: pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, Tổng nitơ, Tổng Phốt pho, Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng Coliform.

- Giá trị giới hạn: theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

2.2.3 Tần suất lấy mẫu: Theo khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022, Dự án không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, nên việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Theo đó tần suất, thời gian lấy mẫu cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Tần suất	Thời gian lấy mẫu	Chỉ tiêu quan trắc
Quan trắc đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải (lấy và phân tích mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp)				
1	Vị trí xả nước thải tại bồn chứa nước tái sử dụng	3 lần (1 ngày/lần)	- Lần 1: ngày 04/01/2023 - Lần 2: ngày 05/01/2023 - Lần 3: ngày 06/01/2023	pH, BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, Tổng nitơ, Tổng Phốt pho, Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng Coliform

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra hiệu suất của các hạng mục công trình xử lý nước thải để đảm bảo nước thải xử lý theo đúng quy chuẩn, quy định hiện hành.

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2.169/GPMT-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn

1.1 Nguồn phát sinh

Vị trí: khu vực trạm trộn

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

Tiếng ồn phát sinh phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và không để ảnh hưởng đến khu vực xung quanh theo đúng QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn tiếng ồn tại nhà máy

TT	Từ 6 – 21 giờ (dBA)	Từ 21 – 6 giờ (dBA)	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
1	70 dBA	55 dBA	QCVN 26:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

Giá trị giới hạn độ rung tại nhà máy

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ (dBA)	Từ 21 – 6 giờ (dBA)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Hạn chế vận chuyển vật liệu xây dựng, bê tông và không hoạt động trạm trong thời gian nghỉ ngơi.
- Xây dựng tường rào bao quanh khu vực dự án.
- Phân công công nhân thường xuyên theo dõi tác động do rung động từ dự án gây ra cho các công trình lân cận để có hướng giải quyết kịp thời.
- Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.
- Phân bố các nguồn gây ồn ra các khu vực riêng biệt một cách hợp lý.

- Nhà máy được thiết kế và xây dựng với tường cách âm, đặc biệt cô lập các công đoạn có khả năng phát sinh ồn cao.

- Nền móng đặt máy phải được xây dựng bằng bê tông có chất lượng cao, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của máy để giảm rung hạn chế ồn, kiểm tra độ cân bằng của các trang thiết bị máy móc và hiệu chỉnh nếu cần thiết.

- Trang bị nút tai cho công nhân phải làm việc ở khu vực thường xuyên tiếp xúc với độ ồn cao.

- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- Bố trí luân phiên nhóm công nhân làm việc tại khu vực có mức ồn cao.

- Cây xanh, thảm cỏ được trồng xung quanh nhà máy, xây tường bao xung quanh nhà máy để giảm tiếng ồn phát tán ra xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động, kiểm soát tiếng ồn để không ảnh hưởng đến sinh sống của người dân gần dự án.



Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **2162**/GPMT-UBND ngày **26** tháng 10 năm
2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn hoạt động của dự án

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	5	NH
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	120	NH
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	50	KS
Tổng khối lượng				175	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Chủng loại: Giấy, thùng carton, tụ điện, dây điện hư hỏng, sứ cách điện, bìa cách điện ...

- Khối lượng: khoảng 300 kg/tháng.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt

- Chủng loại: chủ yếu là chất thải hữu cơ dễ phân hủy như thức ăn thừa, vỏ trái cây,.... và các chất vô cơ như: các loại bao bì nilon, giấy, lon, chai,....



- Khối lượng: 7,5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

+ Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 30 lít

+ Thùng lưu chứa ghi nhãn mã CTNH được lưu chứa

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại trang bị vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

Tổng diện tích kho chứa: 20 m².

Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: nhà kho chứa chất thải nguy hại có kết cấu bê tông, cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tole, mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Có mái che kín nắng, mưa, có gờ chống tràn cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH. Tại vị trí đặt thùng chứa CTNH dạng lỏng được bố trí có gờ cao 0,2m xung quanh.

Bố trí trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy như là: bình chữa cháy bột để dập lửa.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Dự án xây dựng 01 kho chứa với diện tích 20m² để lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh. Kho được xây dựng đảm bảo các điều kiện về vệ sinh môi trường, an toàn cháy nổ và bố trí trong khu vực nhà quản lý vận hành.

- Thu gom, lưu trữ vào kho và định kỳ bán phế liệu cho các đơn vị, cơ sở có nhu cầu đối với những thành phần rác thải được phân loại là có giá trị tái chế, tái sử dụng; Hợp đồng thu gom, xử lý với đơn vị có chức năng thu gom xử lý đối với các loại rác không tái sử dụng, tái chế.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Thiết bị lưu chứa: Dự án bố trí 02 thùng chứa rác có dung tích 240 lít, có nắp đậy; Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định.




B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thiết kế, sử dụng các thiết bị điện đúng tiêu chuẩn.
- Xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy trong khu vực dự án theo đúng thiết kế đã được phê duyệt tại Giấy chứng nhận số 1204/TD-PCCC ngày 08/6/2021 của Cục Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Bộ Công an.
- Thực hiện công tác vận hành; Thiết lập hành lang an toàn lưới điện cao áp và hành lang an toàn tại trạm biến áp nâng 22/110kV theo quy định hiện hành của EVN bao gồm bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp như quy định tại Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật điện lực về an toàn điện và Nghị định 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật điện lực về an toàn điện.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng tuabin gió, trạm và tuyến đường dây, kịp thời phát hiện, khắc phục các sự cố sụt lún, ngăn ngừa sự cố gãy trụ, đứt dây và phóng điện xảy ra.
- Trong quá trình vận hành, nếu phát sinh tiếng ồn ảnh hưởng đến đời sống, hoạt động sản xuất người dân xung quanh dự án, Chủ dự án phải phối hợp cơ quan chức năng và chính quyền địa phương xem xét phạm vi, mức độ ảnh hưởng.... và khắc phục ngay vấn đề tiếng ồn và chịu trách nhiệm bồi thường (nếu có).



Phụ lục 4

YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 216.9/GPMT-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glong)

1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai.
2. Thiết kế chi tiết các hạng mục công trình xử lý môi trường, xây dựng công trình xử lý nước thải (có biên bản bàn giao nghiệm thu giữa chủ đầu tư, đơn vị cung cấp, thi công công trình xử lý chất thải) và có quy trình vận hành bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Chủ dự án đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn thành công trình xử lý chất thải.
3. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom và xử lý nước thải.
4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai dự án; phải thu gom, quản lý, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại, mùi hôi ra môi trường xung quanh.
5. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.
6. Trường hợp có thay đổi tên chủ đầu tư thì chủ đầu tư mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường biết để được cấp đổi giấy phép.
7. Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./.